TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 110/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2023
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Sáu

2. Bà Nguyễn Thị Oanh Thy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Anh Thư – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Bà Lê Hà Thảo Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Dương Hoàng P, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện B, tỉnh Long An.

(hai bên đương sự xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 01 tháng 8 năm 2023 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H trình bày: Bà và ông Dương Hoàng P chung sống vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau. Hiện nay mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng hơn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục được, bà và ông Dương Hoàng P đã ly thân gần 03 năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn ông Dương Hoàng P.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Dương Nguyễn Thảo T, sinh ngày 01/4/2006 và Dương Nguyễn Thảo Q, sinh ngày 11/4/2009. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông Dương Hoàng P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H có đơn đề nghị được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn ông Dương Hoàng P trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2023 như sau: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Cẩm H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Nguyễn Thảo T, sinh năm 2006 và Dương Nguyễn Thảo Q, sinh năm 2009. Sau khi ly hôn, ông đồng ý cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

Về tài sản chung: Ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 08/8/2023, ông Dương Hoàng P có đơn đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, bà Nguyễn Thị Cẩm H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Dương Hoàng P, ông P có hồi ý kiến và có yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Toà án nhân dân huyện B thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp "*Ly hôn*" là đúng thẩm quyền.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm H. Về hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông P. Về con chung: Giao 02 con chung là Dương Nguyễn Thảo T và Dương Nguyễn Thảo Q

cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Cẩm H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Dương Hoàng P, ông P hiện cư trú tại ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện B thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông P chung sống với nhau vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Trong quá trình chung sống, bà H trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Từ khi ly thân đến nay, ông bà cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu ly hôn. Tại biên bản lấy lời khai ông P cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, bà H và ông P thống nhất tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và đồng ý ly hôn nhưng Tòa án không tiến hành hòa giải được do bà H có đơn yêu cầu không hòa giải. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông P là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng: Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Dương Nguyễn Thảo T, sinh ngày 01/4/2006 và Dương Nguyễn Thảo Q, sinh ngày 11/4/2009. ông P cũng có lời khai đồng ý giao 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng. Ngoài ra 02 con chung Dương Nguyễn Thảo T và Dương Nguyễn Thảo Q cũng có nguyện vọng sống với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà H trình bày không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Bà H và ông P trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6]. Về nợ chung: Bà H và ông P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[7]. Xét quan điểm của kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm H đối với ông Dương Hoàng P về việc "Ly hôn".

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm H được ly hôn với ông Dương Hoàng P.

Về con chung và cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Cẩm H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Dương Nguyễn Thảo T, sinh ngày 01/4/2006 và Dương Nguyễn Thảo Q, sinh ngày 11/4/2009. Ông Dương Hoàng P không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì bà Nguyễn Thị Cẩm H không yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà H và ông P trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà H và ông P trình bày không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước nhưng được

khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0010170 ngày 08/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện B;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Kim Thảnh